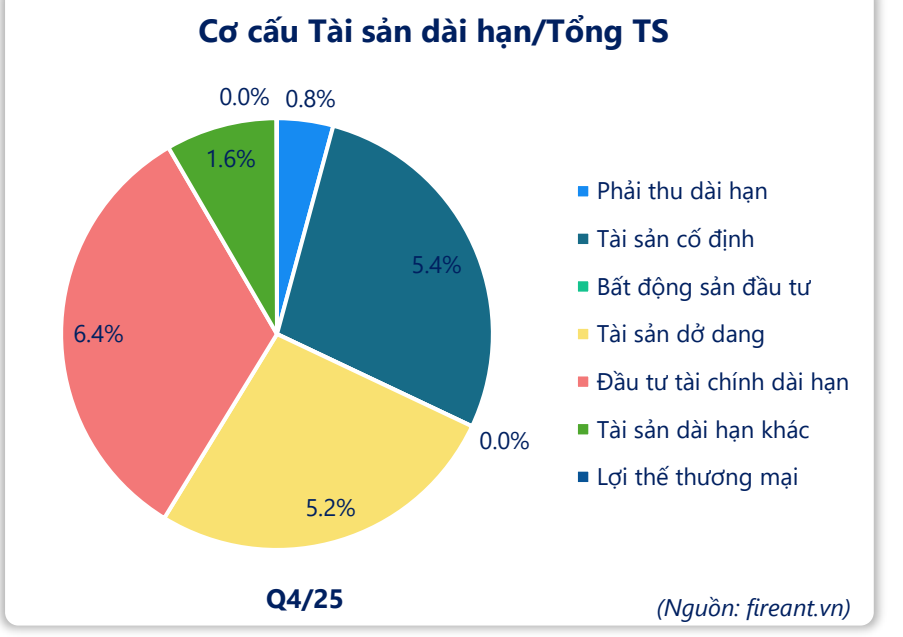
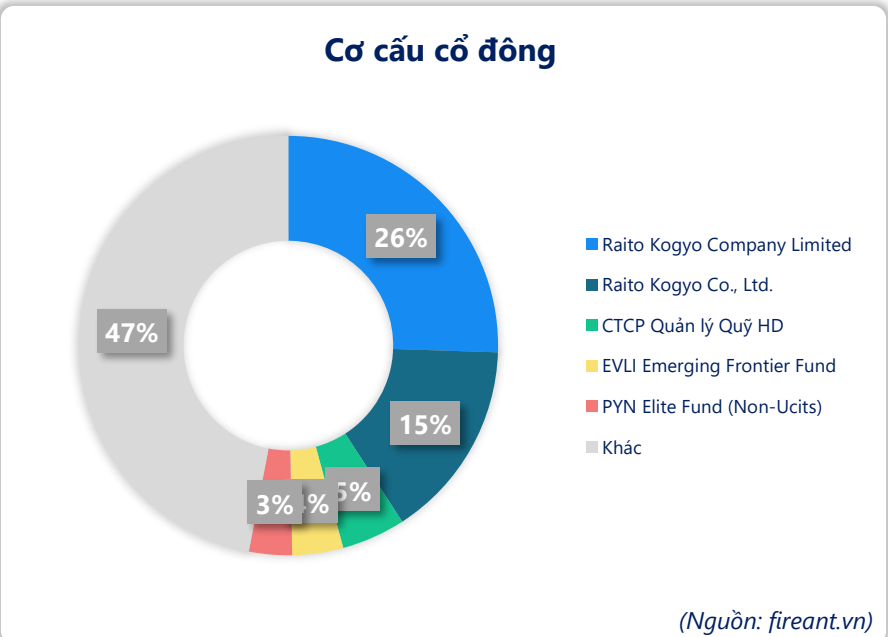
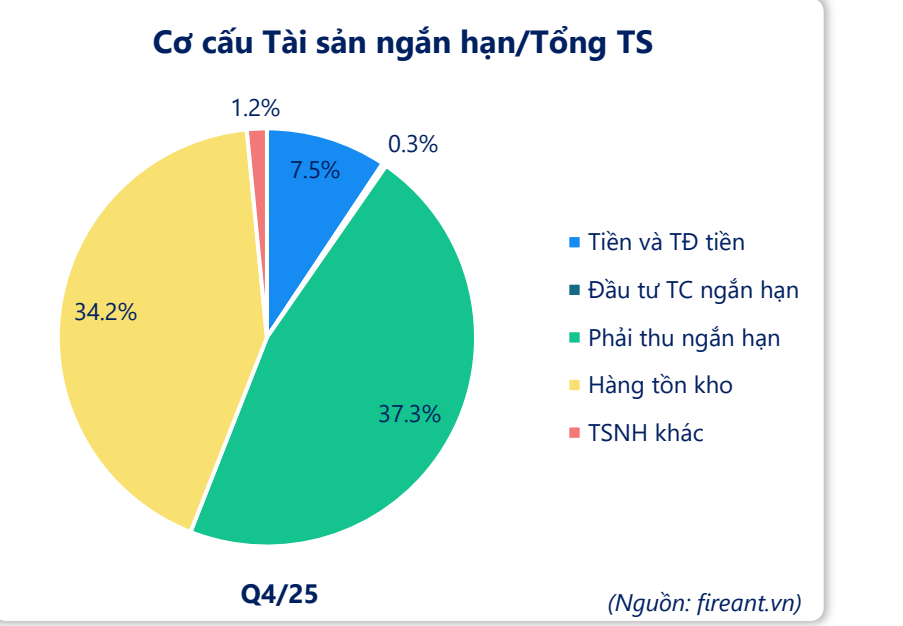
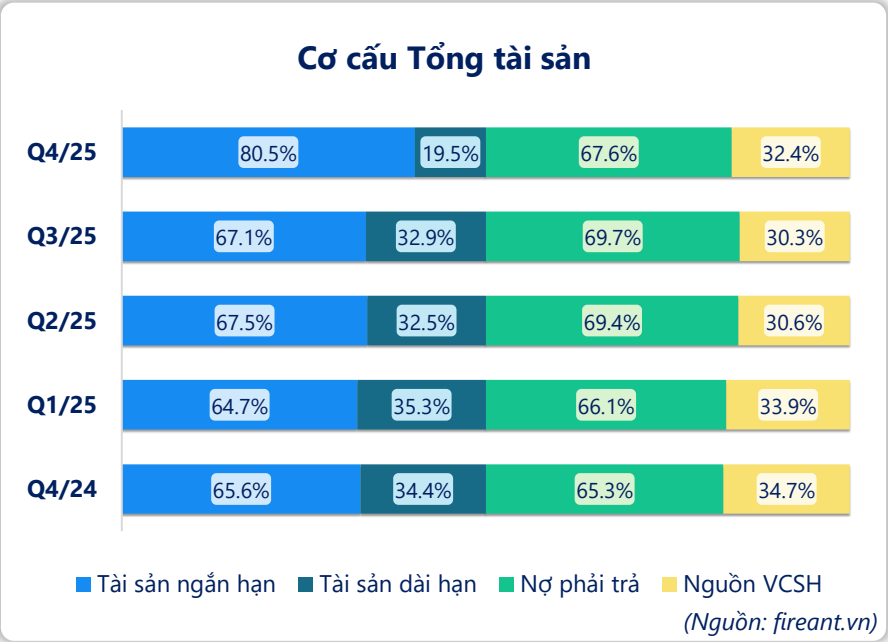
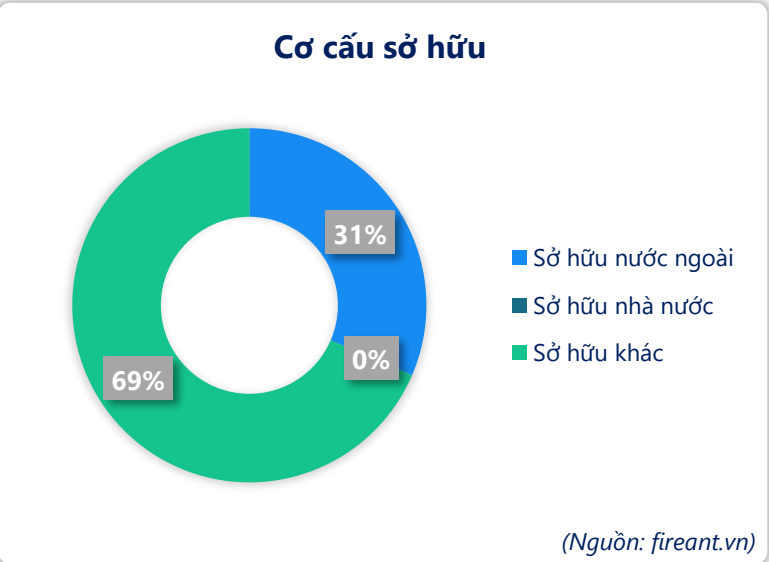
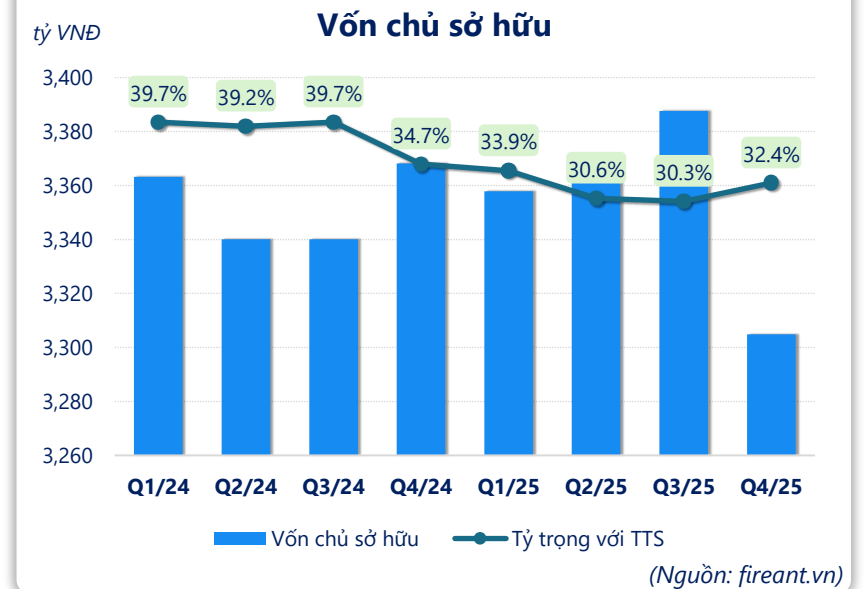
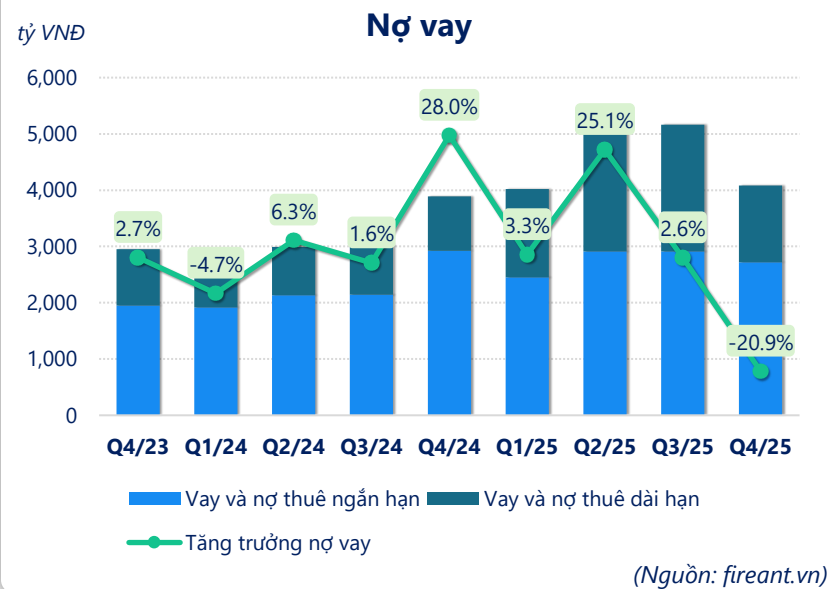
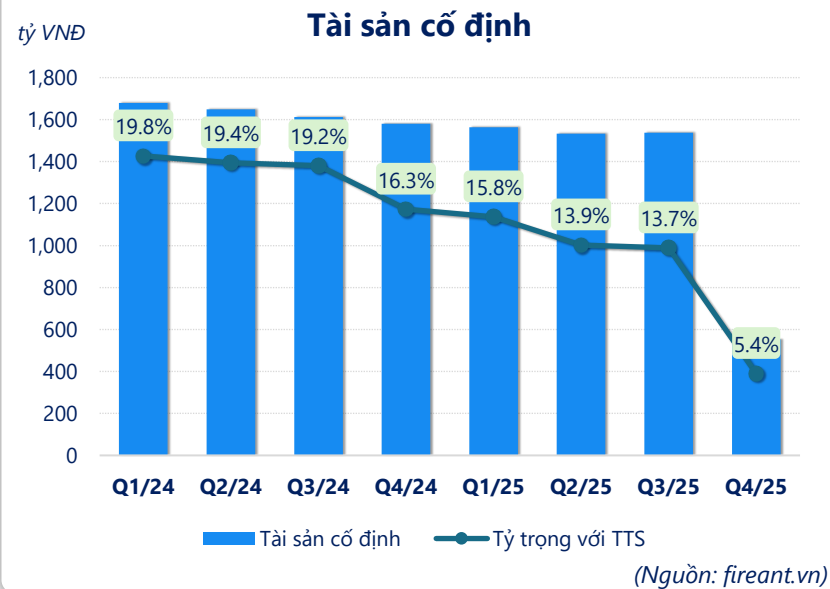
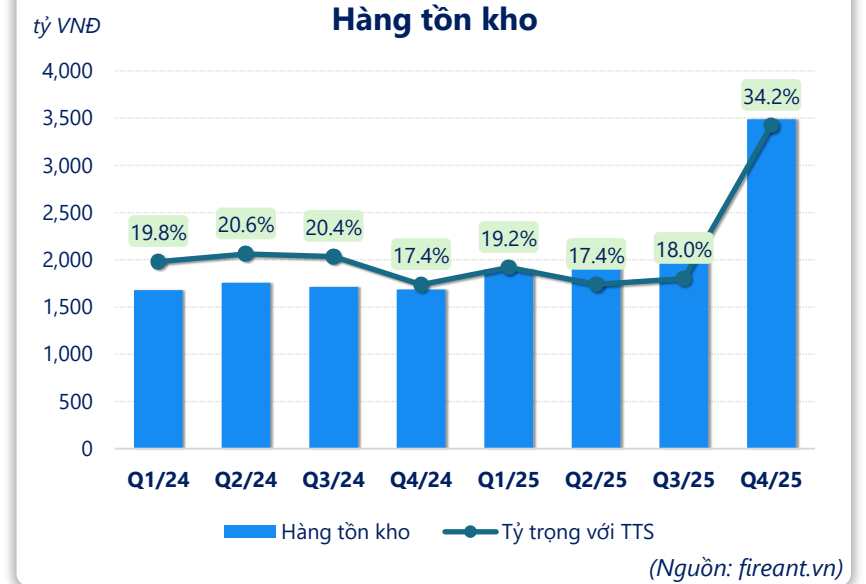
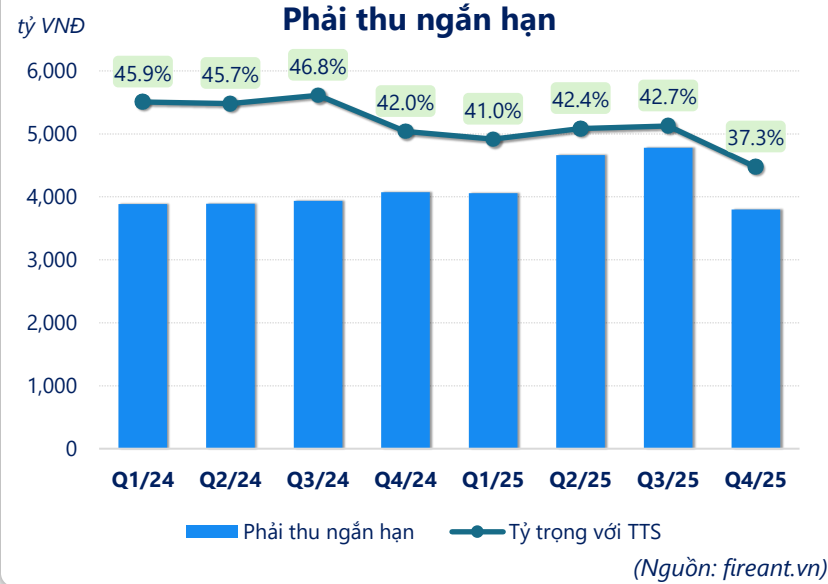
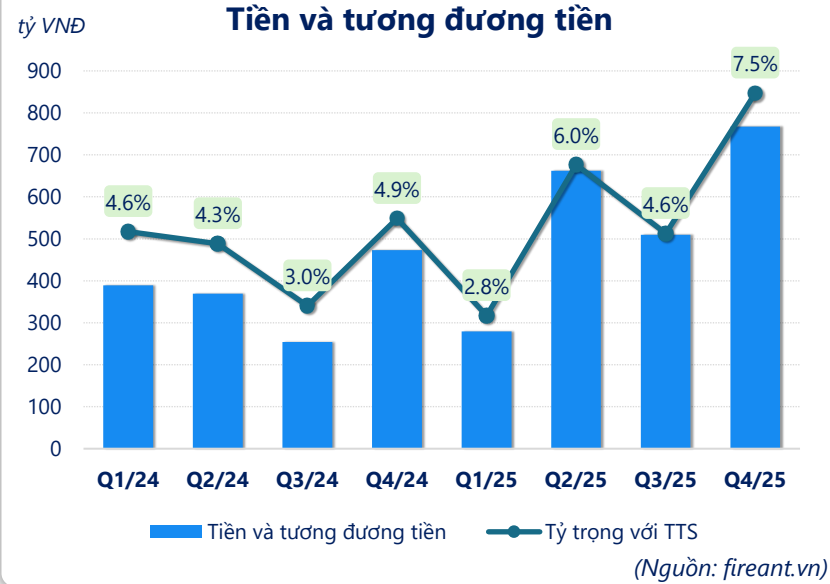
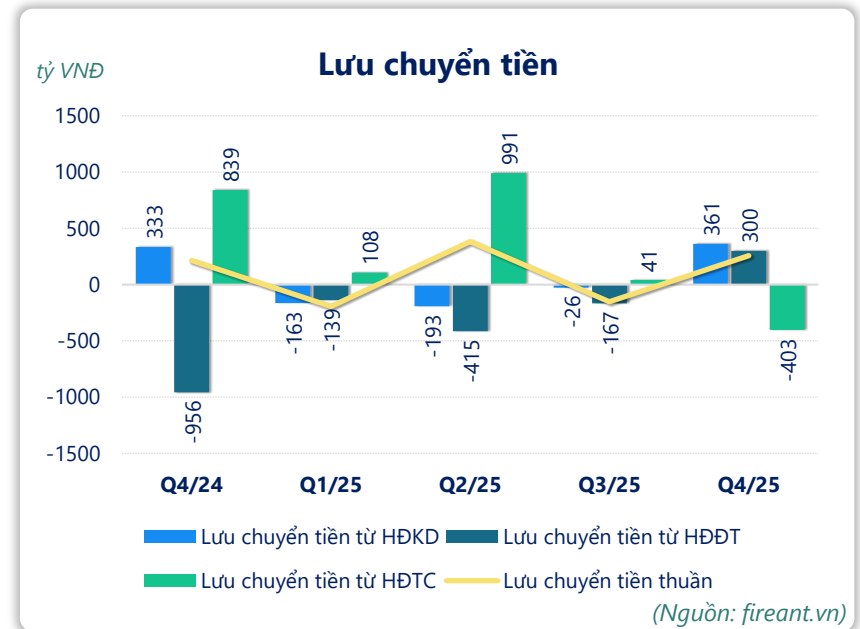
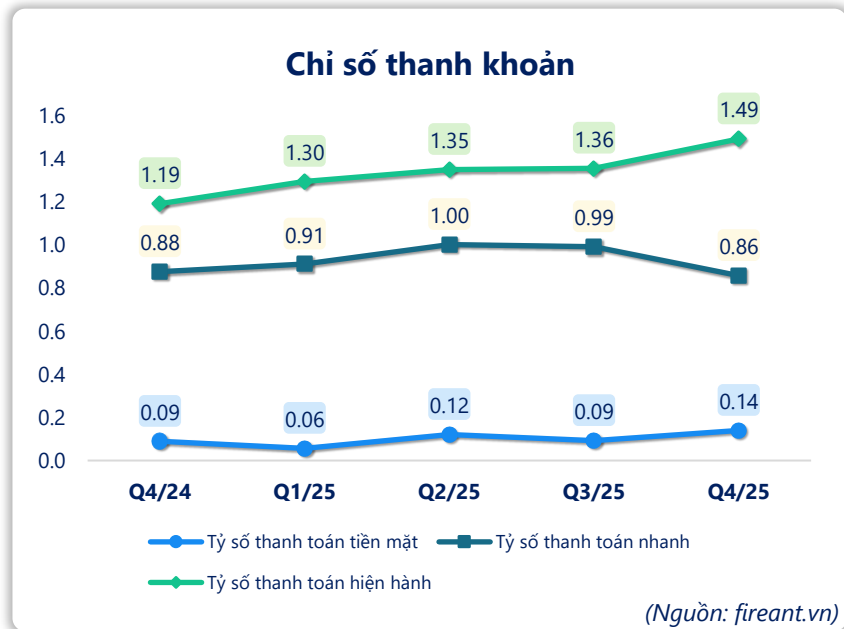
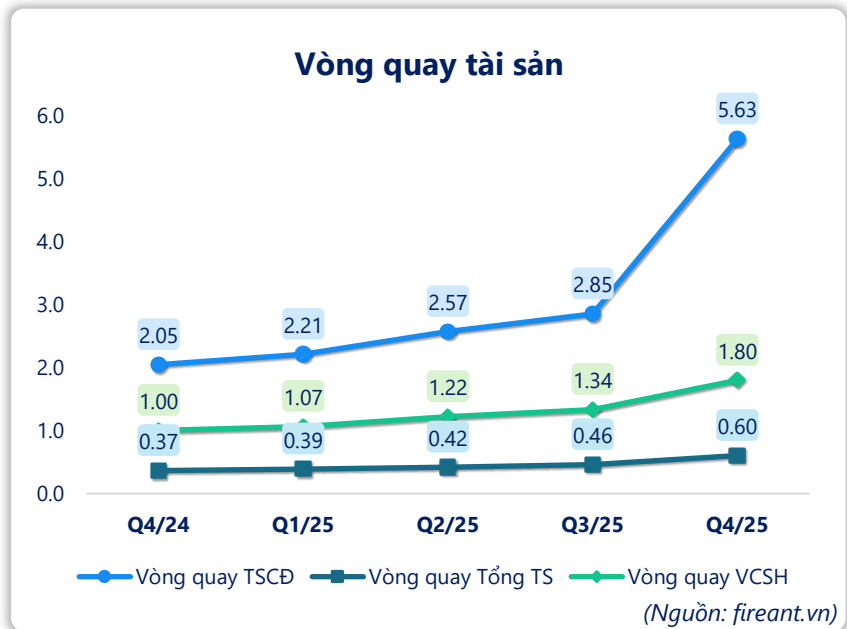
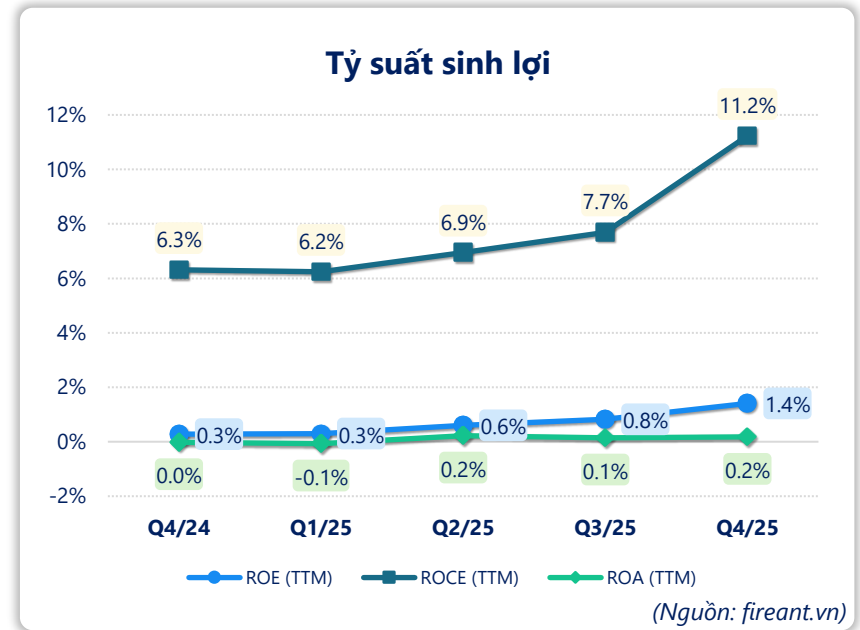
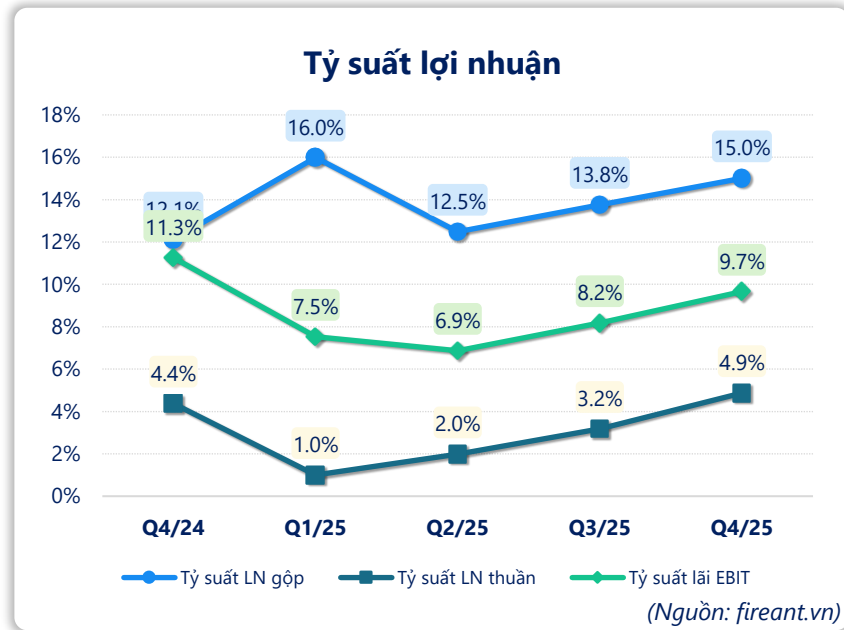
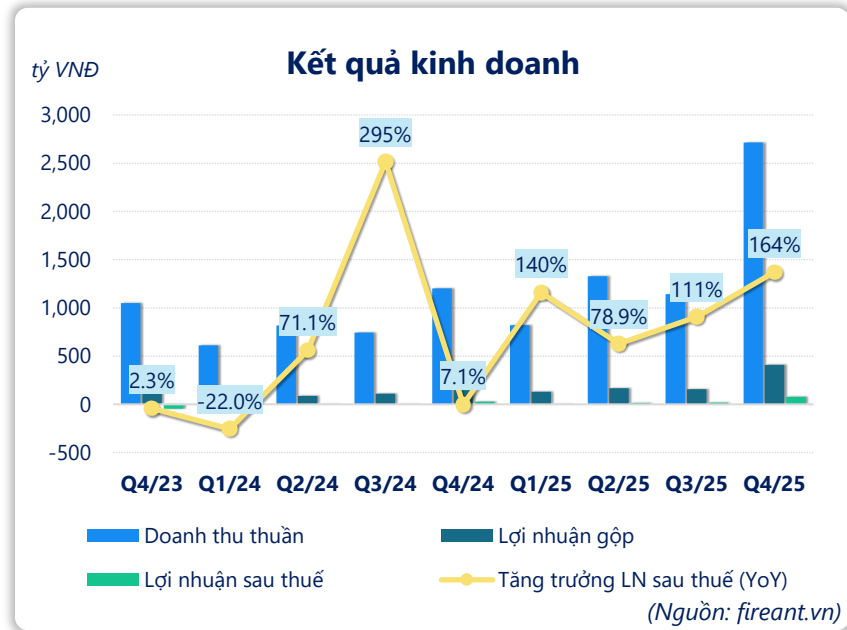


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,217
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,876
SL cổ phiếu LH		157,439,005
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,439,795
% sở hữu nước ngoài		31.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,299
P/E		48.9
EPS		298

	YTD	1T	3T	6T
FCN	4.3%	-1.5%	-12.5%	4.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	10,187	9,706	5.0%
Tài sản ngắn hạn	8,204	6,370	28.8%
Tiền và tương đương tiền	767	473	62.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.0	28.1	-7.4%
Phải thu ngắn hạn	3,798	4,077	-6.8%
Hàng tồn kho	3,487	1,683	107%
Tài sản ngắn hạn khác	126	109	16.2%
Tài sản dài hạn	1,983	3,336	-40.6%
Phải thu dài hạn	83.4	121	-31.2%
Tài sản cố định	552	1,582	-65.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	530	1,032	-48.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	652	453	44.1%
Tài sản dài hạn khác	166	111	49.7%
Lợi thế thương mại	0.72	38.1	-98.1%
Nợ phải trả	6,883	6,338	8.6%
Nợ ngắn hạn	5,497	4,809	14.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,720	2,381	14.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	952	809	17.6%
Nợ dài hạn	1,385	1,529	-9.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,365	1,511	-9.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,305	3,368	-1.9%
Vốn chủ sở hữu	3,305	3,368	-1.9%
Vốn điều lệ	1,574	1,574	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,203	821	1,326	1,143	2,715
Giá vốn hàng bán	1,057	689	1,161	985	2,307
Lợi nhuận gộp	146	131	166	157	408
Doanh thu HĐTC	63.5	5.84	7.13	14.5	63.4
Chi phí TC	91.9	67.7	81.3	68.6	144
Chi phí lãi vay	85.5	57.6	66.6	69.2	147
LN trong công ty LKLD	4.29	0.00	0.00	-0.04	3.52
Chi phí bán hàng	10.6	6.78	9.00	8.36	39.2
Chi phí QLDN	58.5	54.3	56.2	58.3	159
LN thuần từ HĐKD	52.6	8.23	26.3	36.3	132
Lợi nhuận khác	-2.82	-4.02	-1.74	-12.1	-16.7
LN trước thuế	49.8	4.21	24.5	24.2	116
Lợi nhuận sau thuế	28.8	1.05	16.0	16.5	79.1
LNST của CĐ cty mẹ	-2.02	-6.57	21.7	14.6	17.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	333	-163	-193	-26.3	361
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-956	-139	-415	-167	300
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	839	108	991	41.0	-403
Tiền đầu kỳ	254	473	279	662	510
Lưu chuyển tiền thuần	216	-194	383	-152	257
Ảnh hưởng tỷ giá	2.85	0.03	0.00	0.01	-0.36
Tiền cuối kỳ	473	279	662	510	767

(Nguồn: fireant.vn)